**BÀI 2. ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 6 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

- Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

+ Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

+ Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr97-108

+ Quan sát bản đồ địa hình VN và lược đồ các khu vực địa hình để xác định các đỉnh núi, dãy núi, hướng núi, cao nguyên, đồng bằng,…

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tìm hiểu ảnh hưởng của các dạng địa hình ở địa phương em đến phát triển kinh tế.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về địa hình VN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat ĐLVN.

- Hình 2.1. Bản đồ địa hình VN, hình 2.2. Động Phong Nha, hình 2.3. Vùng đồi Long Cốc, Phú Thọ, hình 2.4. Lược đồ địa hình vùng núi Tây Bắc và Đông Bắc, hình 2.5. Cao nguyên Lâm Viên, hình 2.6. Lược đồ địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, hình 2.7. Lược đồ địa hình Đồng bằng sông Hồng, hình 2.8. Lược đồ địa hỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, hình 2.9. Rửng ngập mặn Cần Giờ, hình 2.10. Rừng Thông Đà Lạt, hình 2.11. Quần thể du lịch Bà Nà, hình 2.12. Cánh đồng rau ở Đồng bằng sông Hồng, hình 2.13. Bờ biển đảo Ph1 Quốc phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

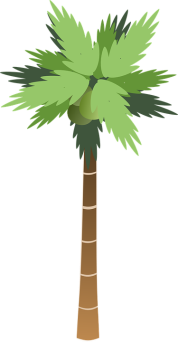
***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” lên bảng



**1 2 3**

\* GV lần lượt cho HS quan sát các hình trên theo thứ tự từ 1 đến 3, yêu cầu HS cho biết tên chữ tương ứng với mỗi hình trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát các hình kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1. **Đồng bằng**
2. **Bán bình nguyên**

**3. Cao nguyên**

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

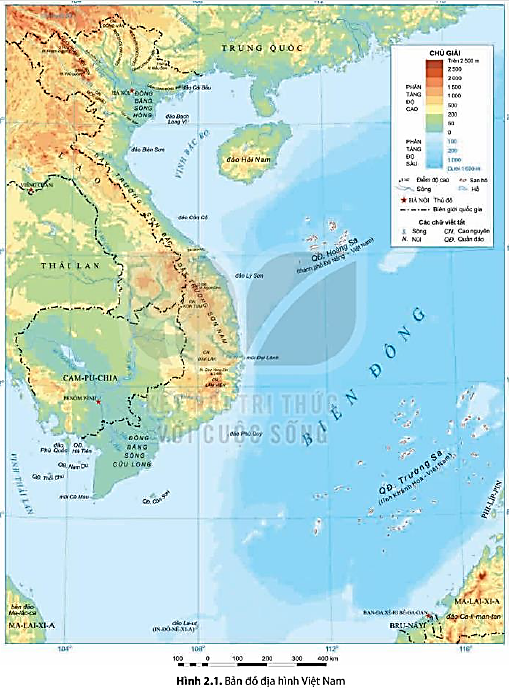
**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên là một những dạng địa hình ở nước ta. Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên có những đặc điểm gì? Ở nước ta có những đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên nào? Bên cạnh những dạng địa hình này thì ở nước ta còn có những dạng địa hỉnh nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

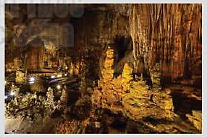
**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (235 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của địa hình (60 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 2.1, 2.2 kết hợp kênh chữ SGK tr98-99 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.





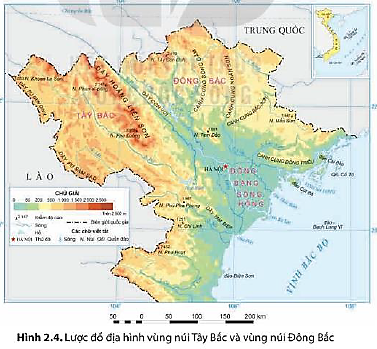
***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

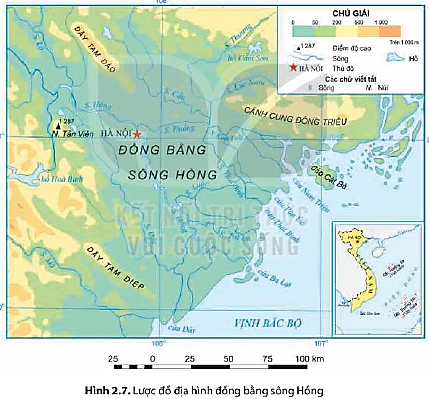
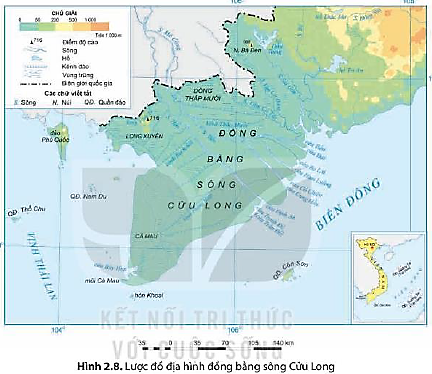
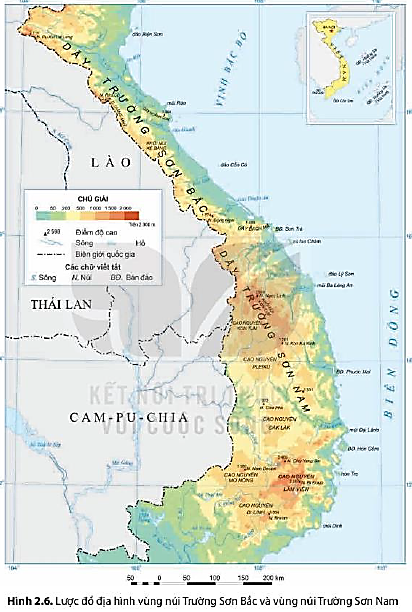
|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 2.1, 2.2 SGK phóng to lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 2.1, 2.2 SGK hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Địa hình nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên.*  *2. Địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu? Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu % diện tích lãnh thổ?*  *3. Đồng bằng chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?*  *4. Kể tên và xác định trên bản đồ hình 2.1 các dãy núi hướng TB-ĐN và vòng cung.*  *5. Vì sao địa hình nước ta có tính phân bậc? Kể tên các bậc địa hình kế tiếp nhau từ nội địa ra biển.*  *6. Vì sao địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tính chất này biểu hiện như thế nào?*  *7. Kể tên các dạng địa hình do con người tạo nên.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 2.1, 2.2 SGK hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Địa hình nước ta có 4 đặc điểm chung:  - Địa hình đồi núi chiếm ưu thế.  - Địa hình có 2 hướng chính là TB-ĐN và vòng cung.  - Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt.  - Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người .  2. Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ. Núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích lãnh thổ.  3. Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ.  4. HS xác định:  - Hướng TB-ĐN như Con Voi, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc, Tam Điệp,...  - Hướng vòng cung: cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều,...  4.  - Nguyên nhân: quá trình địa chất lâu dài, vận động tạo núi Hi-ma-lay-a.  - Núi đồi, đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa.  5.  - Nguyên nhân: nhiệt độ cao, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, nước mưa hòa tan đá vôi.  - Biểu hiện:  + Qúa trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ, địa hình bị chia cắt.  + Nhiều hang động rộng lớn (hình 2.2).  6. Các dạng địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập...  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **1. Đặc điểm chung của địa hình**  ***a. Địa hình đồi núi chiếm ưu thế***  - Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.  - Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ.  ***b. Địa hình có 2 hướng chính là TB-ĐN và vòng cung.***  ***-*** Hướng TB-ĐN như Con Voi, Hoàng Liên Sơn, Trường Sơn Bắc,...  - Hướng vòng cung: thể hiện rõ nhất ở vùng núi ĐB.  ***c. Địa hình có tính chất phân bậc khá rõ rệt***  Núi đồi, đồng bằng, bờ biển, thềm lục địa.  ***c. Địa hình chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và con người***  - Qúa trình xâm thực, xói mòn mạnh, địa hình bị chia cắt.  - Nhiều hang động rộng lớn.  ***-*** Các dạng địa hình nhân tạo: hầm mỏ, đê, đập... |

**2.2. *Tìm hiểu về Các khu vực địa hình (115 phút)***

***a. Mục tiêu*:** Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 2.3 – 2.9 kênh chữ SGK tr100-105, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.





***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV treo hình 2.3 đến 2.9 lên bảng.  \* GV yêu cầu HS lên xác định trên bản đồ: các dãy núi, các cao nguyên, các đồng bằng và đường bờ biển nước ta.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 2.3 đến 2.9 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 15 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1  So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Đông Bắc* |  |  | | *Tây Bắc* |  |  |   2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2  So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Trường Sơn Bắc* |  |  | | *Trường Sơn Nam* |  |  |   3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3  So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** | | *Đồng bằng sông Hồng* |  |  |  | | *Đồng bằng sông Cửu Long* |  |  |  | | *Đồng bằng ven biển miền Trung* |  |  |  |   4. Nhóm 7, 8 – phiếu học tập số 4   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* |  | | *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 2.3 đến 2.9 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS lên xác định:  + Các dãy núi: các dãy núi hình cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều; dãy Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, Hoành Sơn, Bạch Mã…  + Các cao nguyên: Tà Phìn, Sín Chải, Sơn La, Mộc Châu, Kon Tum, Plây Ku, Đăk Lăk, Lâm Viên, Mơ Nông Di Linh.  + Các đồng bằng: Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.  - Đại diện nhóm 1, 3, 5 ,7 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1  So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Đông Bắc* | Nằm ở tả ngạn sông Hồng. | - Độ cao trung bình phổ biến dưới 1.000 m.  - Chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo.  - Địa hình các-xtơ khá phổ biến, tạo nên những cảnh quan đẹp như vùng hồ Ba Bể, vịnh Hạ Long. | | *Tây Bắc* | Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. | - Địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147m).  - Độ cao trung bình 1000-2000m.  - Các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao.  - Đặc trưng của địa hình Tây Bắc là bị chia cắt mạnh. Xen giữa các vùng núi đá vôi là các cánh đồng, thung lũng các-xtơ,... |   2. Nhóm 3 – phiếu học tập số 2  So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Trường Sơn Bắc* | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. | - Là vùng có độ cao trung bình khoảng 1.000 m, một số ít đỉnh cao trên 2.000 m như: Pu Xai Lai Leng (2711 m), Rào Cỏ (2 235 m).  - Có nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng duyên hải miền Trung. | | *Trường Sơn Nam* | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ. | - Địa hình chủ yếu là núi và cao nguyên, có độ cao lớn hơn vùng Trường Sơn Bắc.  - Địa hình có hướng vòng cung, hai sườn đông và tây Trường Sơn Nam không đối xứng.  - Dạng địa hình nổi bật là các cao nguyên rộng lớn, xếp tầng, bề mặt phủ đất đỏ badan.  - Các khối núi cao nằm ở phía bắc và nam của vùng có nhiều đỉnh cao trên 2.000 m như: Ngọc Linh (2598 m), Chư Yang Sin (2405 m), Lang Biang (2167 m),... |   3. Nhóm 5 – phiếu học tập số 3  So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** | | *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Có hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không được bồi đắp phù sa. | | *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Không có đê ngăn lũ, có hệ thống kênh rạch dày đặc. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên. | | *Đồng bằng ven biển miền Trung* | 15000 | Từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. | Nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, có nhiều cồn cát. |   4. Nhóm 7 – phiếu học tập số 4   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* | Bờ biển nước ta dài 3260 km, kéo dài từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang). Có 2 dạng chính địa hình:  - Bờ biển bồi tụ (tại các châu thổ sông Hồng, sông Cửu Long), có nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản.  - Bờ biển mài mòn (tại các vùng chân núi và hải đảo, ví dụ: đoạn bờ biển từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu) rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió, nhiều bãi cát. | | *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* | - Mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ.  - Vùng biển miền Trung sâu và hẹp hơn. |   \* HS các nhóm 2, 4, 6, 8 lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* Mở rộng:**  Fansipan là đỉnh núi cao nhất trong dãy núi Hoàng Liên Sơn, nằm ở biên giới tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu. Về mặt hành chính, đỉnh Fansipan thuộc địa giới của cả huyện Tam Đường (Lai Châu) và thị xã Sa Pa (Lào Cai), cách trung tâm thị xã Sa Pa khoảng 9 km về phía tây nam. Chiều cao của đỉnh núi đo đạc vào năm 1909 là 3143 m, tuy vậy theo số liệu mới nhất của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đưa ra vào cuối tháng 6 năm 2019, đỉnh núi cao 3147,3 m. | **2. Các khu vực địa hình**  ***a. Địa hình đồi núi***  - Khu vực Đông Bắc  + Phạm vi: Nằm ở tả ngạn sông Hồng.  + Đặc điểm hình thái: chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo.  - Khu vực Tây Bắc  + Phạm vi: Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả.  + Đặc điểm hình thái: địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147m), với các dãy núi lớn có hướng TB-ĐN như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao.  - Khu vực Trường Sơn Bắc  + Phạm vi: từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.  + Đặc điểm hình thái: có nhiều nhánh núi đâm ngang ra biển chia cắt đồng bằng duyên hải miền Trung.  - Khu vực Trường Sơn Nam  + Phạm vi: từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ.  + Đặc điểm hình thái: gồm các khối núi và nhiều cao nguyên xếp tầng.  ***b. Địa hình đồng bằng***  - Đồng bằng sông Hồng  + Diện tích: khoảng 15000km2.  + Nguồn gốc hình thành: do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.  + Đặc điểm: Có hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không được bồi đắp phù sa.  - Đồng bằng sông Cửu Long  + Diện tích: khoảng 40000 km2.  + Nguồn gốc hình thành: do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp.  + Đặc điểm: Không có đê ngăn lũ, có hệ thống kênh rạch dày đặc. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên.  - Đồng bằng ven biển miền Trung  + Diện tích: khoảng 15000 km2.  + Nguồn gốc hình thành: từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển.  + Đặc điểm: Nhiều đồng bằng nhỏ hẹp, có nhiều cồn cát.  ***c. Địa hình bờ biển và thềm lục địa***  - Bờ biển có 2 dạng chính địa hình:  + Bờ biển bồi tụ có nhiều bãi bùn rộng, rừng cây ngập mặn phát triển.  + Bờ biển mài mòn rất khúc khuỷu, có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió, nhiều bãi cát.  - Thềm lục địa:  + Mở rộng tại các vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ.  + Vùng biển miền Trung sâu và hẹp hơn. |

***2.3. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế (60 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

***b. Nội dung*:** Dựa vào hình 2.10 – 2.13 kết hợp kênh chữ SGK tr105- 107 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.







***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 3 SGK.  \* GV treo hình 2.10 đến 2.13 lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 2.10 đến 2.13 và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Vì sao tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn?*  *2. Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên theo độ cao.*  *3. Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đến sự phân hóa thiên nhiên theo hướng sườn.*  *4. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi.*  *5. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng.*  *6. Tìm ví dụ về những thế mạnh và hạn chế của địa hình đối với khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát bản đồ hình 2.10 đến 2.13 và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Do địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi thấp nên tính nhiệt đới của thiên nhiên nước ta được bảo toàn.  2. Ở vùng núi thiên nhiên phân hóa theo 3 đai cao, ví dụ:  - Đai nhiệt đới gió mùa: độ cao dưới 600-700m (miền Bắc) hoặc dưới 900-1000m (miền Nam); mùa hạ nóng, sinh vật tiêu biểu là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên đất feralit.  - Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: lên đến độ cao 2600m, khí hậu mát mẻ, sinh vật gồm có rừng cận nhiệt lá rộng, rừng lá kim... phát triển trên đất feralit có mùn.  - Đai ôn đới gió mùa trên núi: ở độ cao trên 2600m (chỉ có ở miền Bắc): khí hậu mang tính chất ôn đới, sinh vật là các loài thực vật ôn đới như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam... phát triển trên đất mùn thô.  3. Phân hóa theo hướng sườn: ví dụ:  - Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa ĐB => mùa đông ở Tây Bắc ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn Đông Bắc.  - Dãy Trường Sơn gây hiệu ứng phơn tạo sự khác biệt về mùa mưa giữa 2 sườn núi.  - Dãy Bạch Mã ngăn ảnh hưởng của gió mùa ĐB vào phía nam => ranh giới tự nhiên giữa 2 miền khí hậu.  4. Khu vực đồi núi:  - Thế mạnh:  + Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp: khu vực đồi núi nước ta có nguồn lâm sản phong phú, thuận lợi cho phát triển ngành lâm nghiệp; có các đồng cỏ tự nhiên tạo điều kiện phát triển chăn nuôi gia súc lớn ví dụ như trâu, bò...; thổ nhưỡng và khí hậu thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm ví dụ như cà phê, cao su, hồ tiêu,...  + Đối với công nghiệp: Khu vực đồi núi tập trung nhiều loại khoáng sản => cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu cho nhiều ngành công nghiệp ví dụ như khai thác khoáng sản, luyện kim, cơ khí,...; Các con sông ở miền núi nước ta có tiềm năng thủy điện lớn ví dụ như Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình trên sông Đà,...  + Đối với du lịch: khu vực đồi núi có khí hậu mát mẻ, cảnh quan đa dạng, tạo thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch tham quan, nghỉ dưỡng,... nhất là du lịch sinh thái ví dụ như Sa Pa, Tam Đảo, Đà Lạt,...  - Hạn chế:  + Địa hình bị chia cắt mạnh, gây khó khăn cho giao thông  + Phải đối mặt với nhiều thiên tai, ví dụ như: lũ quét, sạt lở,…  5. Khu vực đồng bằng  - Thế mạnh:  + Đối với nông lâm sản: trồng cây lương thực thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ ví dụ như lợn, gia cầm ví dụ như gà, vịt, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản ví dụ như tôm, cua, cá,...  + Xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú như Hà Nội, Đà Nẵng, TPHCM,...  - Hạn chế: Tài nguyên bị khai thác quá mức ví dụ như tài nguyên đất, nước, khoáng sản, sinh vật, môi trường bị suy thoái: ví dụ như ô nhiễm đất, nước, không khí,...  6. Vùng biển và thềm lục địa  - Thế mạnh: phát triển các hoạt động kinh tế biển:  + Khai thác và nuôi trồng thủy sản ví dụ như tôm hùm, đồi mồi, làm muối ví dụ như ở Cà Ná (Ninh Thuận), Sa Huỳnh (Quảng Ngãi).  + Giao thông vận tải biển: xây dựng các cảng biển ví dụ như Cái Lân (Quảng Ninh), Sài Gòn (TPHCM), Đà Nẵng, Vân Phong (Khánh Hòa).  + Khai thác năng lượng như dầu khí, gió, thủy triều,...,  + Du lịch biển như Sầm Sơn, Thiên Cầm, Mỹ Khê, Nha Trang,...  - Hạn chế: bão, cạn kiệt tài nguyên ví dụ như các loài cá, ô nhiễm môi trường biển ví dụ như tràn dầu.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **3. Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế**  ***a. Đối với phân hóa tự nhiên***  - Theo độ cao: chia thành 3 vòng đai: nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.  - Theo hướng sườn:  + Dãy Hoàng Liên Sơn làm suy yếu tác động của gió mùa ĐB => mùa đông ở Tây Bắc ngắn hơn và nền nhiệt cao hơn Đông Bắc.  + Dãy Trường Sơn gây hiệu ứng phơn tạo sự khác biệt về mùa mưa giữa 2 sườn núi.  + Dãy Bạch Mã ngăn ảnh hưởng của gió mùa ĐB vào phía nam => ranh giới tự nhiên giữa 2 miền khí hậu.  ***b. Đối với khai thác kinh tế***  *\* Khai thác kinh tế ở khu vực đồi núi*  - Thế mạnh:  + Đối với nông nghiệp, lâm nghiệp: trồng rừng, cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc.  + Đối với công nghiệp: phát triển khai thác khoáng sản, luyện kim, thủy điện,...  + Đối với du lịch: cơ sở hình thành các điểm du lịch có giá trị.  - Hạn chế: địa hình bị chia cắt, lũ quét, sạt lở,…  *\* Khai thác kinh tế ở khu vực đồng bằng*  - Thế mạnh:  + Đối với nông lâm sản: trồng cây lương thực thực phẩm, chăn nuôi gia súc nhỏ, gia cầm, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.  + Xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú.  - Hạn chế: Tài nguyên bị khai thác quá mức, môi trường bị suy thoái.  ***\* Khai thác kinh tế ở vùng biển và thềm lục địa***  - Thế mạnh: phát triển các hoạt động kinh tế biển: khai thác và nuôi trồng thủy sản, làm muối, giao thông vận tải biển, khai thác năng lượng, du lịch biển.  - Hạn chế: bão, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường biển. |

**3. Hoạt động luyện tập (20 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:*Lựa chọn và so sánh đặc điểm địa hình giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc hoặc đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: lựa chọn: so sánh đặc điểm địa hình giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Có hệ thống đê chống lũ khiến đồng bằng bị chia cắt, tạo thành những ô trũng, khu vực trong đê không được bồi đắp phù sa. |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Không có đê ngăn lũ, có hệ thống kênh rạch dày đặc. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên. |

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *tìm hiểu ảnh hưởng của các dạng địa hình của địa phương (TPHCM) đến phát triển kinh tế.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau:

- TPHCM thuộc dạng địa hình đồng bằng.

- Các hoạt động kinh tế ở TPHCM:

+ Sản xuất nông nghiệp: trồng lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi bò, lợn, gia cầm...

+ Sản xuất công nghiệp: cơ khí, điện tử, đóng tàu, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may,...

+ Các hoạt động giso thông vận tải, thương mại, du lịch,…

+ Khó khăn: đia hình thấp nên dễ bị ngập lụt vào mùa mưa và thủy triều dâng ảnh hưởng các hoạt động kinh tế.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com

Một sản phẩm của cộng đồng facebook Thư Viện VnTeach.Com

https://www.facebook.com/groups/vnteach/

https://www.facebook.com/groups/thuvienvnteach/